

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 396 /2019/HS-ST  
Ngày 19-11-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thụy Vân H.
2. Ông Tô Văn Nhung.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tố Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 343/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 353/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2019/HSST-QĐ ngày 23/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2019/HSST-QĐ ngày 09/11/2019 đối với bị cáo:

Hoàng Ngọc T, sinh năm 1996 tại tỉnh Hà Tĩnh; thường trú: Thôn 2 xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn L, sinh năm 1975 và con bà Hoàng Thị K, sinh năm 1977; bị cáo có 03 anh em, bị cáo là lớn nhất; tiền án, tiền sự: Không có. Bị bắt truy nã ngày 19/7/2019, có mặt.

***Bị hại:*** Chị Trần Thị H, sinh năm 1986; thường trú: Xóm 1 xã G, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có đơn yêu cầu xử vắng mặt.

***- Người làm chứng:***

1. Anh Nguyễn Hồ B, vắng mặt.
2. Bà Nguyễn Thị P, có yêu cầu xét xử vắng mặt.
3. Anh Trần Đình H, vắng mặt.
4. Em Nguyễn Văn Đ, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Hoàng Ngọc T và Trần Văn Đ là bạn của Trần Đình H, chị Trần Thị H, Trần Đình H quen biết nhau.

Vào khoảng tháng 5/2018 chị Trần Thị H gặp Trần Đình H vay tiền để chữa bệnh cho chồng, H không có tiền cho vay do vậy dẫn chị H đến gặp N (không rõ nhân thân) để vay tiền, sau đó Nam cho chị H vay 30.000.000 đồng. Khi cho vay, N bắt H phải là người chịu trách nhiệm về khoản vay của chị H, nếu chị H không trả lại tiền cho N thì H phải là người trả lại tiền cho N. Sau khi vay đến hạn chị H hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả nợ tiền cho N đồng thời chị H cắt liên lạc với H. Chị H không trả tiền cho N, N gặp H buộc H phải trả nợ thay. Lúc này H đi tìm chị H thì biết chị Nguyễn Thị Thu H1 là bạn của H, Huân nói chị H1 “tìm H giúp”, chị H1 nói “khi nào gặp được chị H thì chị H1 sẽ nói cho H biết đòi nợ”.

Khoảng 13 giờ ngày 26/11/2018, H được chị H1 báo tin “Chị H đang đón xe lên tỉnh Lâm Đồng xin việc làm”. Lúc này, H điện thoại cho T đến quán cà phê G tại phường L, quận T, TP Hồ Chí Minh. Sau đó, T và Trần Văn Đ đến quán cà phê gặp H, H rủ Đ, T đi công chuyện. H, Đ và T thuê 01 xe taxi (không rõ biển số) chở đến địa phận tỉnh Lâm Đồng. trên đường đi H nói với Đức, T “ xuống coi bắt con này về, sao anh gọi hoài mà nó cứ chặn anh hết”. Khi tất cả đi đến địa bàn tỉnh Lâm Đồng, H điện thoại cho H1, H1 nói H “đứng ở đoạn đường cách ngã ba B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng khoảng 300 mét để H1 chở H đến, nhìn thấy xe máy chạy chậm và bật đèn xi nhan là xe chở chị H đến”. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, H nói Đức, T “đứng chặn bắt chị H” T đứng cách xe taxi khoảng 20 mét, Đức đứng cách xe taxi khoảng 5 mét chờ, H ngồi trong xe taxi cùng tài xế để tránh chị H phát hiện bỏ trốn. Vào lúc 19 giờ 30 cùng ngày chị H đi đến thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng để gặp H1. Sau đó H1 chạy xe mô tô chở chị H đến gặp H như hẹn trước. Khi H1, chị H đi đến đoạn đường cách ngã ba B khoảng 300 mét thì T, Đ chặn xe mô tô của chị H1 và giữ chị H lại. Lúc này, H xuống xe đi đến chị H. Chị H nhận ra H và nói “ơ anh H”. H trả lời “tao H đây, mày lên xe nói chuyện”. H, T dùng tay nắm lấy tay chị H đưa lên xe taxi, Đ xách đồ đạc của chị H lên xe taxi. Lúc này H la lên “mấy anh làm gì vậy” thì H nói xe taxi chạy đi.

Trên đường đi về thị xã D, H bắt chị H điện cho người thân mang tiền đến trả nhưng chị H không được ai giúp. Cả nhóm đưa chị H về khách sạn M, khu phố T, phường Đ, thị xã D, Bình Dương thuê phòng 204 và đưa chị H vào, buộc H trả nợ cho H. Sau đó, H ngồi dưới quầy tiếp tân khách sạn M canh giữ không cho chị H đi ra khỏi khách sạn. Thời điểm này T và Đ ra về. Đến khoảng 11 giờ ngày 27/11/2018, H, Đ, T và chị H đi ăn trưa. Sau khi ăn trưa H đưa cho Đ số tiền 100.000 đồng uống nước, rồi dẫn Đ chở chị H về khách sạn trước và canh giữ chị H không cho chị H đi đâu, chờ đến khi H về. Đ nhận tiền rồi chở chị H về phòng 204 khách sạn M và ngồi dưới quầy lễ tân canh giữ chị H không cho đi ra khỏi khách sạn. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, chị H gọi điện thoại cho người thân báo cho người nhà biết mình đang bị giữ ở khách sạn M nên người nhà chị H đã báo cho lực lượng Công an đến bắt quả tang Đ đang ngồi canh giữ chị H tại quầy tiếp tân rồi đưa về trụ sở làm việc.

Ngày 22/8/2019 Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương đã xét xử Hnh vi của Trần Đình H, Nguyễn Văn Đ cũng như xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự tại bản án 245.

Về trách nhiệm: Tại phiên tòa bị cáo T đồng ý bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho chị Trần Thị H 05 tháng lương cơ bản (1.490.000 đồng x 5 = 7.450.000 đồng).

Bản cáo trạng số 365/CT-VKS ngày 01/10/2019, Viện kiểm sát truy tố bị cáo Hoàng Ngọc T về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ Hình vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 9 đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc bị cáo T bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho chị H.

Bị cáo T không tranh luận, không bào chữa cho Hình vi phạm tội. Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo T nói lời sau cùng: Biết Hình vi của mình là sai, xin được giảm nhẹ mức án thấp nhất để sớm về gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chứng cứ xác định có tội của bị cáo: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 27/11/2018 đối với Nguyễn Văn Đ, lời khai bị hại, người làm chứng, biên bản ghi lời khai bị cáo, quá trình tranh tụng tại phiên tòa thể hiện. Vào ngày 26/11/2018 Trần Đình H rủ Trần Văn Đ và bị cáo Hoàng Ngọc T đi xe taxi lên địa bàn tỉnh Lâm Đồng bắt giữ Trần Thị H để buộc H phải trả tiền cho H để H trả nợ cho người tên N. Đến 19 giờ 30 cùng ngày H, T, Đức gặp chị Trần Thị H tại địa bàn thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. H, T, Đ buộc chị H lên xe taxi sau đó đưa chị H về khách sạn M địa chỉ khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Lâm Đồng, tại đây H buộc chị H phải điện thoại cho người thân mang tiền đến trả cho H mới được về, khoảng 15 giờ ngày 27/11/2018 khi chị H liên hệ với người thân báo tin việc bị giữ tại khách sạn M, sau đó Công an phường Đ đến làm việc, lập biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang đối với Trần Văn Đ đang ngồi canh giữ chị H tại quầy tiếp tân khách sạn. Như vậy, hành vi trên của bị cáo Hoàng Ngọc T đủ yếu tố cấu thành tội Bắt, giữ người trái pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số 365/CT-VKS ngày 01/10/2019 của Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo cũng như trình bày luận tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tình tiết trên được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo T có nhân thân tốt thể hiện việc không có tiền án, tiền sự, bị cáo nhất thời phạm tội

[2] Về tính chất mức độ tội phạm: Bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do có khung hình phạt đến 03 năm tù, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm một cách cố ý. Hình vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm về thân thể, quyền tự do, dân chủ của chị Trần Thị H được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, sau khi bị phát hiện điều tra bị cáo bỏ trốn gây khó khăn trong quá trình điều tra. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo T mức án tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo

thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội cũng như có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[3] Trong vụ án còn có Trần Văn Đ, Trần Văn H cùng tham gia đồng phạm với bị cáo Hoàng Ngọc T trong việc bắt, giữ bị hại Trần Thị H. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 245 ngày 22/8/2019 Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đã xét xử đối với H, Đ cũng như xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử không xét

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo T đồng ý bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho chị Trần Thị H 05 tháng lương cơ bản tương ứng 7.450.000 đồng. Xét, việc trên là sự tự nguyện của bị cáo T và có lợi cho bị hại H. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, trách nhiệm dân sự phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận. Riêng mức hình phạt đối với bị cáo có phần nghiêm khắc do vậy, Hội đồng xét xử xử mức hình phạt bị cáo T thấp hơn mức hình phạt đại diện viện kiểm sát đề nghị.

[6] Về Hình vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về Hình vi, quyết định của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng. Do đó, các Hình vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[7] Án phí sơ thẩm: Bị cáo T phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm, án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Ngọc T phạm tội Bắt, giữ người trái pháp luật

Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc T 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp Hành hình phạt tù tính từ ngày 19/7/2019 .

2. Các biện pháp tư pháp

2.1 Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 592 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Hoàng Ngọc T bồi thường cho chị Trần Thị H số tiền 7.450.000 đồng (bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hoàng Ngọc T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 372.500 đồng (ba trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND thị xã;
- Công an thị xã;
- Chi cục THA dân sự thị xã;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo; bị hại;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Linh**

